

Họ và tên học sinh :

Lớp : 8....

THAM KHẢO ÔN TẬP HKII MÔN SINH HỌC 8
(THI LẠI)

Câu 1. Vai trò của Bài tiết

- Thải các chất cặn bã do hoạt động trao đổi chất của tế bào tạo ra, và các chất dư thừa.
- Đảm bảo tính ổn định của môi trường trong.

*Các cơ quan tham gia bài tiết: phổi, thận, da. (*xem bảng 38/122*)

Câu 2. Vệ sinh hệ bài tiết

a. Các tác nhân gây hại

- Các chất độc trong thức ăn.
- Khẩu phần ăn uống không hợp lí.
- Các vi trùng gây bệnh.

b. Các biện pháp bảo vệ hệ bài tiết

- Vệ sinh: hạn chế vi sinh vật gây bệnh.
- Khẩu phần ăn hợp lí: để thận không làm việc quá sức, hạn chế tác hại của các chất độc, lọc máu tốt.

- Không nhịn tiểu: nước tiểu được tạo liên tục, hạn chế tạo sỏi.

Câu 3. Cấu tạo da phù hợp với chức năng (*xem hình 41*)

- Lớp biểu bì: Bảo vệ da.
- Lớp bì: bài tiết, tiếp nhận kích thích, điều hòa thân nhiệt.
- Lớp mỡ dưới da: dự trữ và cách nhiệt.

Câu 4. Vệ sinh da

- a. Một số bệnh ngoài da: hắc bào, ghẻ lở, lang beng, bồng,...

- b. Nguyên nhân và cách phòng tránh:

- Nguyên nhân: da bẩn, da bị tổn thương tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển hoặc xâm nhập gây bệnh viêm nhiễm.

- Cách phòng tránh:

- Giữ vệ sinh thân thể và vệ sinh môi trường (HS tự đưa ra biện pháp).
- Tránh để da bị tổn thương (xây xát, bồng...)
- Nếu phát hiện bệnh ngoài da, phải điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ.

- c. Rèn luyện da:

- Tắm nắng vào buổi sáng: da tổng hợp vitamin D.
- Rèn luyện thể dục thể thao từ từ: nâng dần sức chịu đựng.
- Lao động chân tay vừa sức phù hợp tình trạng sức khỏe từng người.

Câu 5. Các tật của mắt (*hình 50.1,2,3,4*)

Các tật của	Tật cận thị	Tật viễn thị
-------------	-------------	--------------

mắt		
Biểu hiện	Là tật mà mắt chỉ có thể <u>nhìn gần</u>	Là tật mà mắt chỉ có thể <u>nhìn xa</u>
Nguyên nhân	- Bẩm sinh: do cầu mắt <u>dài</u>. -Do không giữ đúng khoảng cách khi đọc sách, đọc sách nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe, ...	- Bẩm sinh: do cầu mắt <u>ngắn</u>. -Người già thể thủy tinh bị lão hóa mất khả năng điều tiết.
Cách khắc phục	Đeo kính cận (kính phân kỳ)	Đeo kính viễn thị (kính hội tụ)

***Phòng tránh tật cận thị:** giữ đúng khoảng cách khi đọc sách, không đọc sách nơi thiếu ánh sáng, trên tàu xe

- ...

Câu 6. Cấu tạo của tai- Chức năng thu nhận sóng âm của tai (Quan sát hình 51-1)

- Tai ngoài : vành tai và ống tai.
- Tai giữa: màng nhĩ, chuỗi xương tai và vòi nhĩ.
- Tai trong :
 - Bộ phận tiền đình và 3 ống bán khuyên
 - Ốc tai: có tế bào thụ cảm thính giác

***Chức năng thu nhận sóng âm của tai:**

Sóng âm vào tai → rung màng nhĩ → chuỗi xương tai → ốc tai màng → tế bào thụ cảm thính giác → xung thần kinh → vùng thính giác → nhận biết âm thanh phát ra

Câu 7. Phân biệt phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

	Phản xạ không điều kiện	Phản xạ có điều kiện
Khái niệm	Là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập và rèn luyện.	- Là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập và rèn luyện.
Ví dụ	ho, cười, chớp mắt, đổ mồ hôi, ...	đá bóng, đá cầu, bơi lội, đọc, viết,...
Tính chất	- Trả lời kích thích tương ứng hay kích thích không điều kiện. - Bẩm sinh - Bền vững. - Có sự di truyền, mang tính chất chủng loại - Bị giới hạn về số lượng. - Cung phản xạ đơn giản - Trung ương thần kinh ở trụ não, tủy sống	- Trả lời kích thích bất kì hay kích thích có điều kiện. - Hình thành do học tập và rèn luyện - Dễ mất khi không được củng cố - Không di truyền, mang tính chất cá thể - Không giới hạn về số lượng - Hình thành đường liên hệ tạm thời - Trung ương thần kinh ở đại não.
Ý nghĩa	Giúp cho cơ thể thích nghi với môi trường	Tạo điều kiện cho cơ thể thích nghi với điều kiện sống mới.

Câu 8. Vệ sinh hệ thần kinh.

a. Tác nhân ảnh hưởng xấu tới hệ thần kinh:

- Chế độ làm việc và nghỉ ngơi không hợp lý
- Ngủ không đủ
- Sử dụng các chất kích thích và ức chế đối với hệ thần kinh:
 - Chất kích thích (rượu, trà, cà phê ...): giảm trí nhớ, khó ngủ.
 - Chất gây nghiện (ma túy, cần sa, thuốc phiện, ...): làm suy giảm chức năng của hệ thần kinh

b. Các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh:

- Làm việc và nghỉ ngơi hợp lý
- Hạn chế tiếng ồn
- Đảm bảo giấc ngủ hợp lý
- Giữ cho tâm hồn thư thái
- Không lạm dụng các chất kích thích, ức chế với hệ thần kinh

Câu 9. Phân biệt tuyến nội tiết và tuyến ngoại tiết

	Tuyến ngoại tiết	Tuyến nội tiết
Cấu tạo	Chất tiết theo ống dẫn tới các cơ quan tác động	Chất tiết ngấm thẳng vào máu tới cơ quan đích
Vai trò	Xúc tác quá trình trao đổi chất	Góp phần điều hòa các quá trình sinh lí của cơ thể
Ví dụ	tuyến tụy, tuyến nước bọt	Tuyến yên, tuyến giáp, tuyến trên thận,...

- Tuyến pha: tuyến vừa ngoại tiết, vừa nội tiết. (Ví dụ: tuyến sinh dục, tuyến tụy,...)
- Sản phẩm của tuyến nội tiết là hoocmon.

Câu 10. Một số tuyến nội tiết

a. **Tuyến sinh dục nam (tinh hoàn):**

- Ngoại tiết: tạo ra tinh trùng
- Nội tiết: tiết hoocmôn sinh dục nam (testostêrôn) làm biến đổi cơ thể nam ở tuổi dậy thì.
- Thay đổi cơ thể ở tuổi dậy thì:
 - Lớn nhanh, cơ bắp phát triển.
 - Sự sinh tinh, có khả năng có con

b. **Tuyến sinh dục nữ (buồng trứng):**

- Ngoại tiết: tạo ra trứng
- Nội tiết: tiết hoocmôn sinh dục nữ (ơstrôgen) làm biến đổi cơ thể nữ ở tuổi dậy thì.
- Thay đổi cơ thể ở dậy thì:
 - Sự rụng trứng, có hiện tượng kinh nguyệt
 - Có khả năng mang thai và có con

- c. Tuyến giáp: Phòng tránh bệnh bướu cổ do tuyến giáp bằng cách dùng muối iốt trong khẩu phần ăn.

-oOo-

Lưu ý: Đề cương chỉ mang tính tham khảo, học sinh nên xem thêm nội dung và bài tập vận dụng trong SGK. Chúc các em học và thi tốt.